

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/LĐ-PT

Ngày 10-3-2025.

*“V/v: Tranh chấp quyền, lợi ích
liên quan đến tiền lương”.*

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Quang Nhuận;
Ông Lâm Tấn Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Huy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Văn Bảo, Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 01/2025/TLPT-LĐ, ngày 16 tháng 01 năm 2025, về việc: *“Tranh chấp quyền, lợi ích liên quan đến tiền lương”.*

Do Bản án lao động sơ thẩm số 07/2024/LĐ-ST, ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2025/QĐ-PT, ngày 05/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 01/2025/QĐ-PT, ngày 26/02/2024, giữa các đương sự:

1- Các nguyên đơn:

1-1. Ông Triệu Minh H, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số A, đường X, Khóm E, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

1-2. Bà Trần Thị Thanh N, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số A, đường N, Khóm E, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

1-3. Ông Cao Ngọc D, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số D, đường N, Khóm D, Phường I, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

1-4. Bà Tô Thị Ánh T, sinh năm 1965. Địa chỉ: Số C, đường C, Khóm E, Phường I, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

1-5. Bà Trần Thị M, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

1-6. Ông Đặng Hoàng H1, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

1-7. Bà Thái Mỹ N1, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số A K, ấp A, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn H, N1, D, T, M, H1 và N1: Ông Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số A, ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (theo các văn bản ủy quyền ngày: 12/9/2023; 13/9/2023; 15/9/2023; 19/9/2023; 21/9/2023 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2- *Bị đơn:* Công ty cổ phần M1.

Địa chỉ: Số H đường P, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H2, sinh năm 1978 và ông Đào Minh C, sinh năm 1995. Cùng địa chỉ: Số H đường P, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 25/02/2025) (cùng có mặt).

Người kháng cáo: Công ty cổ phần M1, là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và theo kết quả xét xử sơ thẩm, thì vụ án có nội dung như sau:

** Các nguyên đơn trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết:*

Ông Triệu Minh H, bà Trần Thị Thanh N, ông Cao Ngọc D, bà Tô Thị Ánh T, bà Trần Thị M, ông Đặng Hoàng H1 và bà Thái Mỹ N1 là công nhân lao động làm việc tại Công ty cổ phần M1 (viết tắt Công ty). Thực hiện Thỏa ước lao động tập thể đề ngày 30/9/2016 và các quy định của Công ty, ông H, bà N1, ông D, bà T, bà M, ông H1 và bà N1 tiếp cận thông tin về quyền lợi của người lao động, thông qua bộ phận Công đoàn cơ sở của Công ty.

Trong vụ sản xuất kinh doanh 2017 - 2018 (bắt đầu vụ sản xuất ngày 08/10/2017, kết thúc vụ sản xuất ngày 19/6/2018). Ông H, bà N1, ông D, bà T, bà M, ông H1 và bà N1 được Công đoàn của Công ty thông báo vụ sản xuất kinh doanh 2017 - 2018 Công ty bị thua lỗ 23,3 tỷ đồng và quỹ lương vụ 2017 - 2018 bị thiếu, không đủ để chi trả cho tổng số 320 người lao động như kế hoạch dự kiến ngày 24/8/2017 là 33,418 tỷ đồng.

Tuy nhiên, vào đầu tháng 4 năm 2019 ông H, bà N1, ông D, bà T, bà M, ông H1 và bà N1 mới biết:

- Quỹ tiền lương chi trả cho 320 người lao động của vụ sản xuất kinh doanh 2017 - 2018 vẫn còn thừa số tiền 9.619.591.775 đồng và Công ty hiện vẫn còn quản lý nhưng không chịu chi trả cho người lao động.

- Theo báo cáo đề ngày 05/10/2018 của Ban kiểm soát Công ty cổ phần M1 về kết quả hoạt động vụ 2017 - 2018 thì tổng quỹ lương của vụ 2017 - 2018 còn lại ngày 30/6/2018 là 11.560.835.331 đồng.

- Theo báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh vụ 2017 - 2018 thì Công ty đã báo cáo tổng quỹ lương trích chi trả cho người lao động vụ sản xuất kinh doanh 2017 - 2018 là 36.431.000.000 đồng và kết quả sản xuất kinh doanh vụ 2017 - 2018 Công ty đạt lợi nhuận trước thuế là 5.427.000.000 đồng, Công ty không có báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh bị thua lỗ như công đoàn của Công ty đã thông báo miệng cho người lao động.

- Theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT đề ngày 04/01/2019 của Hội đồng quản trị công ty cổ phần M1 thì tổng quỹ tiền lương còn lại của vụ sản xuất kinh doanh 2017 - 2018 là 9.619.591.775 đồng và Hội đồng quản trị công ty cổ phần M1 đường quyết định hoàn nhập trong vụ 2018 - 2019 để giảm lỗ cho công ty.

Xét thấy, việc Công ty cổ phần chiếm giữ quỹ tiền lương còn thừa của vụ sản xuất kinh doanh 2017 - 2018 là 9.619.591.775 đồng và không chi trả tiền lương cho 320 người lao động trong công ty có tham gia sản xuất kinh doanh vụ 2017 - 2018 là trái với quy định của Thỏa ước lao động tập thể đề ngày 30/9/2016, trái với Quy chế thanh toán tiền lương, tiền thưởng ban hành kèm theo quyết định số 43/QĐ-HĐQT đề ngày 27/12/2017 của Hội đồng quản trị công ty cổ phần M1 đường và gây thiệt hại cho quyền lợi chính đáng của người lao động.

Ông H, bà N1, ông D, bà T, bà M, ông H1 và bà N1 đã yêu cầu hòa giải tranh chấp lao động, kết quả hòa giải ngày 13/6/2019 không thành, Công ty Cổ phần M1 không có thiện chí hợp tác.

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết các nguyên đơn ông Triệu Minh H, bà Trần Thị Thanh N, ông Cao Ngọc D, bà Tô Thị Ánh T, bà Trần Thị M, ông Đặng Hoàng H1 và bà Thái Mỹ N1 yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty cổ phần M1 trả tiền lương vụ sản xuất kinh doanh 2017 - 2018 cho ông H, bà Thanh N, ông D, bà T, bà Trần Thị M, ông H1 và bà Mỹ N1 mỗi người là 30.061.224 đồng, với tổng số tiền là 210.428.568 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Q là người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện. Chỉ yêu cầu theo mức lương chính và phụ cấp Công ty đã trả cho 327 người lao động (theo danh sách Tòa án thu thập) trong 01 tháng là 1.547.373.212 đồng, sau đó lấy quỹ lương còn thừa 8.904.588.883 đồng chia (:) 1.547.373.212 đồng thì mỗi người còn được hưởng thêm 5,75 tháng lương (làm tròn) và cũng thống nhất lấy tiền lương đóng bảo hiểm xã hội trong tháng 6/2018 của từng nguyên đơn, cụ thể là:

- Ông Triệu Minh H, số tháng thực tế làm việc là 12 tháng, yêu cầu số tiền: 25.972.750 đồng.

- Bà Trần Thị Thanh N, số tháng thực tế làm việc là 09 tháng yêu cầu số tiền: 19.604.625 đồng.

- Ông Cao Ngọc D, số tháng thực tế làm việc là 12 tháng yêu cầu số tiền: 26.984.750 đồng.

- Bà Tô Thị Ánh T, số tháng thực tế làm việc là 09 tháng yêu cầu số tiền: 19.479.563 đồng.

- Bà Trần Thị M, số tháng thực tế làm việc là 09 tháng yêu cầu số tiền: 14.140.355 đồng.

- Ông Đặng Hoàng H1, số tháng thực tế làm việc là 12 tháng yêu cầu số tiền: 24.684.750 đồng.

- Bà Thái Mỹ N1, số tháng thực tế làm việc là 12 tháng yêu cầu số tiền: 27.186.000 đồng.

Tại Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 29/7/2024 ông Nguyễn Ngọc Q yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc Công ty M1 đường trả tiền lương còn thừa của vụ sản xuất kinh doanh 2017 - 2018 cho các nguyên đơn với số tiền như sau: Trả tiền lương cho ông Triệu Minh H là 19.974.391 đồng; Trả tiền lương cho bà Trần Thị Thanh N là 15.076.973 đồng; Trả tiền lương cho ông Cao Ngọc D là 20.752.672 đồng; Trả tiền lương cho bà Tô Thị Ánh T là 14.980.794 đồng; Trả tiền lương cho bà Trần Thị M là 10.874.666 đồng; Trả tiền lương cho ông Đặng Hoàng H1 là 18.983.853 đồng; Trả tiền lương cho bà T1 Mỹ Ngân là 20.907.444 đồng. Do trước đây, tại Bản án sơ thẩm số 02/2020/LĐ-ST ngày 07/8/2020 của Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tuyên xử buộc Công ty Cổ phần M1 trả tiền lương còn thừa của vụ sản xuất kinh doanh 2017 - 2018 cho các nguyên đơn với số tiền cụ thể như sau: Ông Triệu Minh H số tiền: 25.972.750 đồng; Bà Trần Thị Thanh N số tiền: 19.604.625 đồng; Ông Cao Ngọc Danh S tiền: 26.984.750 đồng; Bà Tô Thị Ánh T số tiền: 19.479.563 đồng; Bà Trần Thị M số tiền: 14.140.355 đồng; Ông Đặng Hoàng H1 số tiền: 24.684.750 đồng; Bà Thái Mỹ N1 số tiền: 27.186.000 đồng.

Sau khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật, các nguyên đơn đã yêu cầu thi hành án, theo đó, Công ty Cổ phần M1 đã thi hành được tổng số tiền là 36.502.000 đồng, theo đó: Ông H được nhận số tiền là 5.998.359 đồng, còn lại số tiền 19.974.391 đồng chưa thi hành; Bà N1 được nhận số tiền là 4.527.652 đồng, còn lại số tiền 15.076.973 đồng chưa thi hành; Ông D được nhận số tiền là 6.232.078 đồng, còn lại số tiền 20.752.672 đồng chưa thi hành; Bà T được nhận số tiền là 4.498.769 đồng, còn lại số tiền 14.980.794 đồng chưa thi hành; Bà M được nhận số tiền là 3.265.689 đồng, còn lại số tiền 10.874.666 đồng chưa thi hành; Ông H1 được nhận số tiền là 5.700.897 đồng, còn lại số tiền 18.983.853 đồng chưa thi hành; Bà N1 được nhận số tiền là 6.278.556 đồng, còn lại số tiền 20.907.444 đồng chưa thi hành.

Do đó, các nguyên đơn yêu cầu Công ty Cổ phần M1 phải thanh toán thêm cho ông H số tiền 19.974.391 đồng, bà N1 số tiền 15.076.973 đồng, ông Danh số tiền 20.752.672 đồng, bà T số tiền 14.980.794 đồng, bà M số tiền 10.874.666 đồng, ông H1 số tiền 18.983.853 đồng và bà N1 số tiền 20.907.444 đồng.

- *Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 14/8/2024:* Đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày tại các Văn bản số 142 ngày 26/8/2019, số 156 ngày 13/9/2019, phiên hoà giải ngày*

17/10/2019 và tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là ông Nguyễn Thanh H2, ông Đào Minh Công trình B: Ông Triệu Minh H, bà Trần Thị Thanh N, ông Cao Ngọc D, bà Tô Thị Ánh T, bà Trần Thị M, ông Đặng Hoàng H1 và bà Thái Mỹ N1 đều là người lao động tại Công ty. Đối với bà Trần Thị M không làm việc liên tục trong 12 tháng của vụ sản xuất này, bà M chỉ là lao động mùa vụ. Bà Trần Thị Thanh N và bà Tô Thị Ánh T cũng không làm việc liên tục trong 12 tháng và được Công ty sắp xếp nghỉ chờ việc từ tháng 7/2017 đến tháng 9/2017 nhưng Công ty vẫn trả lương. Các ông, bà trên có ký hợp đồng lao động với Công ty nhưng hiện nay các nguyên đơn này đã nghỉ việc tại Công ty.

Công ty T2 còn thừa của vụ sản xuất kinh doanh 2017 - 2018 là 9.619.591.775 đồng, trong vụ này có 320 người lao động.

Công ty trả lương cho công nhân căn cứ vào vị trí công việc, số ngày công người lao động đi làm việc thực tế, trả lương hàng tháng theo bảng chấm công (Chấm công do bộ phận trực tiếp quản lý chấm công, hết tháng làm việc thì có bảng chấm công, nếu có làm thêm giờ hoặc tăng ca đột xuất thì phải hỏi ý kiến người lao động nếu người lao động đồng ý làm, thì đơn vị quản lý lập tờ trình hoặc đề nghị Ban tổng giám đốc duyệt). Tăng ca hoặc công việc đột xuất thì vẫn chấm công theo luật lao động.

Những nữ lao động là bà Trần Thị Thanh N, bà Tô Thị Ánh T, bà Trần Thị M và bà Thái Mỹ N1 trong năm 2017 - 2018 không có nghỉ chế độ thai sản.

Đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn thì bị đơn có ý kiến như sau:

Tổng hợp quỹ tiền lương của công ty năm 2017 - 2018 quỹ lương còn thừa năm 2016-2017 chuyển qua: 715.002.892 đồng.

Quỹ lương trích trong năm 2017 - 2018 là 36.430.760.000 đồng (tương đương 800.000đ/tấn đường sản xuất được).

Đã chi lương 12 tháng cho người lao động theo hệ thống thang bảng lương, tiền lương làm thêm giờ, lương phép là: 24.520.252.317 đồng.

Quỹ tiền lương theo báo cáo tài chính năm 2017 - 2018 của Công ty theo số liệu đến 30/6/2018 mà ông Triệu Minh H, bà Trần Thị Thanh N, ông Cao Ngọc D, bà Tô Thị Ánh T, bà Trần Thị M, ông Đặng Hoàng H1 và bà Thái Mỹ N1 nêu trong đơn kiện 11.560.835.331 đồng là do lương tháng 6/2018 và lương bổ sung của năm 2017 - 2018 qua tháng 7/2018 (năm tài chính 2018 - 2019) mới chỉ là 1.941.243.550 đồng, nên quỹ lương còn lại thực chất là 9.619.591.775 đồng.

Năm tài chính 2017 - 2018 (vụ 2017 - 2018) Công ty trả lương cho ông H, bà Thanh N, ông D, bà T, bà M, ông H1 và bà Mỹ N1 theo mức lương quy định tại Quyết định số 01/QĐ-HĐQT.2018, ngày 26/01/2018 về việc ban hành thang bảng lương của Hội đồng quản trị công ty. Thang bảng lương này Công ty đã đăng ký và được sự chấp thuận của Phòng Lao động thương binh và Xã hội thành phố S (Thông báo số 07/TB-LĐTBXH ngày 31/01/2018).

Từ những lý do nói trên Công ty khẳng định đã trả lương năm 2017- 2018 cho các nguyên đơn theo đúng quy định của pháp luật. Do đó Công ty không chấp

nhận trả thêm cho các nguyên đơn với tổng số tiền là 210.428.568 theo yêu cầu của các nguyên đơn.

- *Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:* Công ty M1 đã thanh toán tiền lương cho các nguyên đơn theo Hợp đồng lao động và trong quá trình thực hiện hợp đồng các nguyên đơn cũng không có khiếu nại gì về việc trả lương của Công ty M1 đường. Mặt khác, Công ty M1 đường trước đây là Doanh nghiệp có 100% là vốn của Nhà nước, nên chế độ hạch toán, phân phối lương vẫn vận dụng Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016. Tại Điều 15 của Thông tư trên quy định “*Căn cứ vào quỹ tiền lương thực hiện, công ty trích lập quỹ dự phòng tiền lương cho năm sau liền kề nhằm bảo đảm việc trả lương không bị gián đoạn. Mức dự phòng hàng năm do Tổng Giám đốc (Giám đốc) quyết định sau khi có ý kiến của Ban Chấp hành công đoàn công ty, nhưng không được vượt quá 17% quỹ tiền lương thực hiện quy định tại Điều 14 Thông tư này. Đối với công ty sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực nuôi, trồng, khai thác các sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, cây công nghiệp, nuôi trồng và đánh bắt thủy, hải sản, diêm nghiệp thì quỹ dự phòng hàng năm không vượt quá 20% quỹ tiền lương thực hiện*”. Vụ mùa năm 2016 - 2017, quỹ tiền lương dự phòng của năm trước chuyển sang là 2.425.740.344 đồng, quỹ lương theo sản lượng là 28.190.640.000 đồng, thực chi 26.195.945.333 đồng, quỹ lương dự phòng chuyển sang vụ mùa 2017 - 2018 là 4.420.435.011 đồng chứ không phải là 715.002.892 đồng như nguyên đơn trình bày. Quỹ lương xây dựng theo sản lượng vụ mùa 2017 - 2018 là 36.430.760.000 đồng, quỹ lương thực chi là 29.290.359.680 đồng nên quỹ dự phòng còn 7.140.400.320 đồng (chiếm dưới 20%/quỹ lương thực hiện), thêm quỹ lương dự phòng của vụ trước chuyển sang 4.420.435.011 đồng, nên tổng là 11.560.835.331 đồng. Quỹ lương theo sản lượng đường vụ 2018 - 2019 là 13.786.628.597 đồng (24.163.000kg x 571.000đ/kg), nên không đủ chi lương cho người lao động. Vì quyền lợi của người lao động, nên Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT ngày 15/5/2019 về việc xử lý quỹ tiền lương thiếu của năm 2018 - 2019 theo đó “*Thống nhất sử dụng quỹ lương còn lại của năm 2017 - 2018 là 9.619.591.775 đồng để bổ sung quỹ tiền lương năm 2018 - 2019 để đảm bảo đủ nguồn chi lương cho NLD*”. Nhưng thực chất là quỹ lương còn lại lũy kế của nhiều vụ trước chuyển sang, nên đã thực chi lương là 24.776.390.400 đồng, chi vượt quỹ lương là -10.989.761.803 đồng, nếu không có khoản quỹ dự phòng 11.560.835.331 đồng của các vụ lũy kế chuyển sang thì không đủ chi lương cho người lao động. Các nguyên đơn đều đã nhận lương và các khoản phụ cấp theo Hợp đồng lao động từ nguồn quỹ lương dự phòng của các vụ mùa trước chuyển sang, Công ty M1 đã chi hết tới cuối kỳ báo cáo quyết toán vụ mùa 2018 - 2019 quỹ lương chỉ còn tồn là 571.073.528 đồng. Các nguyên đơn chỉ căn cứ quỹ lương theo sản lượng và quỹ lương thực chi để cho rằng Công ty M1 đường còn nợ lương vụ mùa 2017 - 2018 là không có căn cứ mà Công ty đã chi vượt quỹ lương là -10.989.761.803 đồng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Sự việc được Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án lao động sơ thẩm số 07/2024/LĐ-ST, ngày 16/8/2024 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 87/2024/QĐ-SCBSBA, ngày 26/8/2024 đã quyết định như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 187 và Điều 188 Bộ luật Lao động năm 2019; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Buộc Công ty Cổ phần M1 thanh toán quỹ tiền lương 8.904.588.883 đồng còn thừa của vụ sản xuất 2017-2018 (từ ngày 01/7/2017 đến ngày 30/6/2018) cho các ông, bà:

- Ông Triệu Minh H số tiền: 25.972.750 đồng. Do Công ty Cổ phần M1 đã thanh toán cho ông H số tiền là 5.998.359 đồng, nên còn lại số tiền là 19.974.391 đồng.

- Bà Trần Thị Thanh N số tiền: 19.604.625 đồng. Do Công ty Cổ phần M1 đã thanh toán cho bà N số tiền là 4.527.652 đồng, nên còn lại số tiền là 15.076.973 đồng.

- Ông Cao Ngọc Danh S tiền: 26.984.750 đồng. Do Công ty Cổ phần M1 đã thanh toán cho ông Danh số tiền là 6.232.078 đồng, nên còn lại số tiền là 20.752.672 đồng.

- Bà Tô Thị Ánh T số tiền: 19.479.563 đồng. Do Công ty Cổ phần M1 đã thanh toán cho bà T số tiền là 4.498.769 đồng, nên còn lại số tiền là 14.980.794 đồng.

- Bà Trần Thị M số tiền: 14.140.355 đồng. Do Công ty Cổ phần M1 đã thanh toán cho bà M số tiền là 3.265.689 đồng, nên còn lại số tiền là 10.874.666 đồng.

- Ông Đặng Hoàng H1 số tiền: 24.684.750 đồng. Do Công ty Cổ phần M1 đã thanh toán cho ông H1 số tiền là 5.700.897 đồng, nên còn lại số tiền 18.983.853 đồng.

- Bà Thái Mỹ N1 số tiền: 27.186.000 đồng. Do Công ty Cổ phần M1 đã thanh toán cho bà N1 số tiền là 6.278.556 đồng, nên còn lại số tiền 20.907.444 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tiền lãi chậm thi hành án, tiền án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 30/8/2024 bị đơn Công ty cổ phần M1 kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, vì: Bản án sơ thẩm nhận định buộc Công ty phải trả cho các nguyên đơn số tiền còn thừa của quỹ lương 2017-2018 là không có cơ sở, bởi Hội đồng Quản trị ban hành Nghị quyết bổ sung quỹ lương. Hệ quả từ quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là vi phạm pháp luật

doanh nghiệp liên quan đến quyền tự quyết trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không rút lại đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Ý kiến của Kiểm sát viên, phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

+ *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung kháng cáo*: Do bị đơn không chứng minh được yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có căn cứ pháp luật, trong khi người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn không đồng ý theo nội dung kháng cáo của bị đơn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần M1 là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, kháng cáo của nguyên đơn K là hợp lệ, được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận và tiến hành giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

- Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quyết định xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Công ty cổ phần M1 kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn là Công ty cổ phần M1 thì thấy rằng:

[3-1] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Công ty M1 thừa nhận: Vụ sản xuất kinh doanh năm 2017 – 2018, quỹ lương của công ty còn thừa 8.904.588.883 đồng. Vì vậy,

đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3-2] Điều 5 của Thỏa ước lao động tập thể ngày 30/9/2016 của Công ty cổ phần M1 có quy định: “*Công ty áp dụng hình thức trả lương theo sản phẩm (đơn giá theo kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm thông qua). Tiền lương của người lao động được đảm bảo chi trả đúng Quy chế thanh toán tiền lương, thưởng của công ty*”. Điều 25 Quy chế thanh toán tiền lương, thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 161/QĐ-TGD.2009 ngày 31/8/2009 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần M1 thì việc xử lý quỹ lương thừa được xác định như sau: “*...Hình thức chi theo cách phân phối sản phẩm theo hệ số CBCV + thành tích thi đua cá nhân tại mỗi thời điểm chi thích hợp; Thanh toán hết cho người lao động được hưởng trong thời hạn không quá quy định của pháp luật vào đầu năm sau*”. Khoản 3 Điều 10 Quy chế thanh toán tiền lương, tiền thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 43/QĐ-HĐQT.2017 (thay thế Quy chế thanh toán tiền lương, tiền thưởng năm 2009) quy định việc xử lý quỹ lương thừa như sau: “*...Tổng giám đốc sẽ quyết định chi hết trong thời gian theo quy định đảm bảo chi phí được trừ khi xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp*”.

[3-3] Khoản 1 và khoản 2 Điều 4; khoản 1 Điều 5 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, đã được sửa đổi, bổ sung bằng Thông tư số 96/2016/TT-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ T3, hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ, quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, thì quỹ tiền lương không thuộc doanh thu để tính thu nhập chịu thuế và không thuộc thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Như vậy, theo Thỏa ước lao động tập thể; Quy chế thanh toán tiền lương, tiền thưởng nêu trên thì quỹ tiền lương còn lại (còn thừa) của niên vụ 2017 - 2018 phải được thanh toán cho người lao động tham gia lao động trong mùa vụ sản xuất, kinh doanh 2017 - 2018.

[3-4] Hội đồng quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT.2019 ngày 04/01/2019, trong đó tại mục 11 Điều 1 có nội dung: “*Quỹ lương còn lại của vụ 2017 - 2018 là 9.619.591.775 đồng, yêu cầu BCH hoàn nhập trong vụ 2018 - 2019 để giảm lỗ cho công ty*”; sau đó ban hành Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT ngày 15/5/2019 quy định: “*...Thống nhất sử dụng quỹ tiền lương còn lại của năm 2017 - 2018 là 9.619.591.775 đồng để bổ sung cho quỹ lương năm 2018-2019 để đảm bảo đủ nguồn chi lương cho NLD*”.

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy: Các Nghị quyết này ban hành trong mùa vụ sản xuất kinh doanh năm 2018 - 2019, đề sử dụng quỹ tiền lương của mùa vụ 2017 - 2018 (mùa vụ này đã kết thúc từ ngày 30/6/2018) là không đúng với Thỏa ước lao động tập thể ngày 30/9/2016 và Quy chế thanh toán tiền lương, tiền thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 43/QĐ-HĐQT.2017 (thay thế Quy chế thanh toán tiền lương, tiền thưởng năm 2009).

Tòa án cấp sơ thẩm lấy quỹ tiền lương còn thừa của mùa vụ 2017 - 2018 là 8.904.588.883 đồng chia cho tổng tiền lương thực tế mà Công ty chi trả cho tất cả

người lao động vào tháng cuối cùng của mùa vụ 2017-2018, tức tháng 6/2018 (1.547.373.212 đồng), để từ đó tính ra số lương bình quân mỗi người lao động được hưởng thêm 5,75 tháng, nhân với số tiền lương chính, phụ cấp thâm niên, số tháng thực tế mà các nguyên đơn đã làm việc, cụ thể là:

- Ông Triệu Minh H, số tháng thực tế làm việc là 12 tháng, yêu cầu số tiền: 25.972.750 đồng.

- Bà Trần Thị Thanh N, số tháng thực tế làm việc là 09 tháng yêu cầu số tiền: 19.604.625 đồng.

- Ông Cao Ngọc D, số tháng thực tế làm việc là 12 tháng yêu cầu số tiền: 26.984.750 đồng.

- Bà Tô Thị Ánh T, số tháng thực tế làm việc là 09 tháng yêu cầu số tiền: 19.479.563 đồng.

- Bà Trần Thị M, số tháng thực tế làm việc là 09 tháng yêu cầu số tiền: 14.140.355 đồng.

- Ông Đặng Hoàng H1, số tháng thực tế làm việc là 12 tháng yêu cầu số tiền: 24.684.750 đồng.

- Bà Thái Mỹ N1, số tháng thực tế làm việc là 12 tháng yêu cầu số tiền: 27.186.000 đồng.

Do Công ty Cổ phần M1 đã trả cho các nguyên đơn được khoản tiền thông qua việc thi hành án được tổng số tiền là 36.502.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ông H đã nhận 5.998.359 đồng, còn lại 19.974.391 đồng.

- Bà N1 đã nhận 4.527.652 đồng, còn lại 15.076.973 đồng.

- Ông D đã nhận 6.232.078 đồng, còn lại 20.752.672 đồng.

- Bà T đã nhận 4.498.769 đồng, còn lại 14.980.794 đồng.

- Bà M đã nhận 3.265.689 đồng, còn lại 10.874.666 đồng.

- Ông H1 đã nhận 5.700.897 đồng, còn lại 18.983.853 đồng.

- Bà N1 đã nhận 6.278.556 đồng, còn lại 20.907.444 đồng.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn là Công ty Cổ phần M1 phải thanh toán thêm cho ông H số tiền 19.974.391 đồng, bà N1 số tiền 15.076.973 đồng, ông Danh số tiền 20.752.672 đồng, bà T số tiền 14.980.794 đồng, bà M số tiền 10.874.666 đồng, ông H1 số tiền 18.983.853 đồng và bà N1 số tiền 20.907.444 đồng là đúng quy định của pháp luật như đã được viện dẫn nêu trên.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, không chứng minh được kháng cáo của bị đơn về việc hủy bản án sơ thẩm là có căn cứ pháp luật, trong khi người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn, không đồng ý theo nội dung kháng cáo của bị đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là Công ty cổ phần M1 về việc hủy bản án sơ thẩm.

Đề nghị của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, về việc: Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn là Công ty cổ

phần M1, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ đã được viện dẫn nêu trên, nên được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận.

[4] *Về án phí dân sự phúc thẩm*: Do kháng cáo của bị đơn là Công ty cổ phần M1 không được chấp nhận. Vì vậy, bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các phần khác được nêu trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là Công ty cổ phần M1.

I- Giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm số 07/2024/LĐ-ST, ngày 16 tháng 8 năm 2024 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 87/2024/QĐ-SCBSBA, ngày 26/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

II- Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc Công ty cổ phần M1 phải chịu số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ số tiền Công ty cổ phần M1 đã nộp tạm ứng 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001963 ngày 04-9-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng. Bị đơn đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung)./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục THADS thành phố Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Nam Trung